

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN TÝ

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ
CÔNG TÁC GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG
Ở CÁC TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN THANH KHÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng, Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Quang Giao**

Phản biện 1: **TS. Nguyễn Sĩ Thư**

Phản biện 2: **TS. Huỳnh Thị Thu Hằng**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn
tốt nghiệp thạc sỹ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng
vào ngày 16 tháng 12 năm 2012

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chúng ta đang sống ở thế kỉ 21, thế kỉ của hội nhập và phát triển. Sống trong một xã hội năng động, con người được tiếp cận với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật. Thế nhưng cùng với sự phát triển của văn minh nhân loại, con người đang từng ngày tàn phá chính môi trường sống của mình, làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống, thể chất, giống nòi của mỗi dân tộc và sự phát triển bền vững của xã hội. Chính sự tàn phá, hủy hoại môi trường là nguyên nhân chính gây nên số lượng các cơn bão, lụt lội, hạn hán, lốc xoáy, sóng thần, động đất ngày càng nhiều. Vì vậy, GDMT là vấn đề mang tính sống còn của tất cả các quốc gia trên thế giới.

Tuy nhiên, trên thực tế, cả nước nói chung, quận Thanh Khê nói riêng, công tác GDMT chưa trở thành nhiệm vụ cấp bách, việc QL công tác GDMT chưa được các cấp lãnh đạo quan tâm đúng mức, việc tổ chức thực hiện công tác GDMT cho HS còn nhiều hạn chế, nhận thức, thái độ, hành vi của của người dân, của HS về BVMT còn rất mờ nhạt và nhiều biểu hiện không phù hợp nhất là HS THCS.

GDMT cho thế hệ trẻ, đặc biệt là trẻ ở bậc học THCS - các em ở độ tuổi đang phát triển và định hình về nhân cách, những người chủ tương lai của đất nước, những học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất, kinh tế nhất và có tính bền vững trong các biện pháp để thực hiện mục tiêu BVMT và góp phần phát triển bền vững đất nước.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài "***Biện pháp quản lý công tác giáo dục môi trường ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng***" để nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDMT, quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quản lý công tác giáo dục môi trường ở các trường THCS.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Giả thuyết khoa học

Quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, sẽ được đẩy mạnh và nâng cao nếu áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý công tác GDMT được đề xuất trong đề tài này.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của công tác GDMT và quản lý công tác GDMT ở trường THCS.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDMT tại các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

6. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn khảo sát thực trạng công tác GDMT và quản lý công tác GDMT của 200 CBQL, GV và 300 học sinh ở 10 trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

7.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

7.1.2. Phương pháp phân loại tài liệu

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi (phương pháp Anket)

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

7.2.3. Phương pháp trò chuyện

7.2.4. Phương pháp quan sát

7.2.5. Phương pháp chuyên gia

7.3. Nhóm phương pháp xử lý số liệu

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần hệ thống hóa các quan điểm cơ bản về công tác GDMT và quản lý công tác GDMT ở trường THCS.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề xuất các biện pháp QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

9. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận QL công tác GDMT ở trường THCS

Chương 2: Thực trạng QL công tác giáo dục môi trường ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Các biện pháp quản lý công tác giáo dục môi trường ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ CÔNG TÁC

GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về công tác giáo dục môi trường và quản lý công tác giáo dục môi trường

Ở Việt Nam, vấn đề GDMT được quan tâm nghiên cứu từ những năm 1980. Từ đó đến nay có nhiều đề tài nghiên cứu đã đưa ra những căn cứ khoa học để nâng cao hiệu quả GDMT ở Việt Nam và trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương thức, nội dung, hình thức GDMT cho tất cả các đối tượng trong xã hội đặc biệt là học sinh.

Các nghiên cứu của các tác giả tập trung vào phương pháp giảng dạy, vào nội dung GDMT ở một số môn học,... đã đóng góp nhất định về mặt lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về thực trạng và các biện pháp QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng một cách đầy đủ, có hệ thống.

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường

1.2.1.1. Quản lý

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của tổ chức để đạt tới mục tiêu định ra trong điều kiện biến động của môi trường.

1.2.1.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục có nhiều cấp độ, ít nhất có hai cấp độ chủ yếu là cấp vĩ mô và cấp vi mô.

- Đối với cấp vĩ mô: QLGD là hoạt động tự giác của chủ thể quản lý nhằm huy động, tổ chức, điều phối, điều chỉnh, giám sát...

một cách có hiệu quả các nguồn lực giáo dục (nhân lực, tài lực, vật lực) phục vụ cho mục tiêu phát triển giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với cấp vi mô: QLGD thực chất là những tác động của chủ thể quản lý vào quá trình giáo dục (được tiến hành bởi tập thể giáo viên và học sinh, với sự hỗ trợ đặc lực của các lực lượng xã hội) nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách học sinh theo mục tiêu đào tạo của nhà trường.

1.2.1.3. Quản lý trường học

Quản lý trường học là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể QLGD để đạt đến mục tiêu giáo dục đặt ra đối với Ngành trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

1.2.2. Môi trường và giáo dục môi trường

1.2.2.1. Môi trường

Theo Điều 3, Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam, 2005 "Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật". Tóm lại, môi trường là tất cả những gì có xung quanh ta, cho ta cơ sở để sống và phát triển.

1.2.2.2. Giáo dục môi trường

GDMT trong nhà trường phổ thông là một quá trình nhằm trang bị cho trẻ một ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của trái đất, một khả năng biết đánh giá vẻ đẹp của thiên nhiên và một giá trị nhân cách khắc sâu bởi nền tảng đạo lý về môi trường.

1.3. Một số vấn đề lý luận của công tác GDMT ở trường THCS

1.3.1. Mục tiêu GDMT

1.3.1.1. Mục tiêu giáo dục môi trường nói chung

Mục tiêu GDMT ở nhà trường là trang bị cho HS kiến thức về môi trường, có ý thức trách nhiệm với môi trường và biết hành động thích hợp để BVMT.

1.3.1.2. Mục tiêu giáo dục môi trường trong các trường THCS

Mục tiêu GDMT trong các trường THCS làm cho HS nắm vững kiến thức về môi trường; có thái độ - tình cảm yêu quý, tôn trọng thiên nhiên, thân thiện với môi trường và ý thức quan tâm thường xuyên đến môi trường sống cá nhân, gia đình, cộng đồng, chủ động tham gia các hoạt động BVMT, phê phán hành vi gây hại cho môi trường; có kỹ năng phát hiện và ứng xử tích cực với các vấn đề môi trường nảy sinh; có hành động cụ thể BVMT; tuyên truyền, vận động BVMT trong gia đình, nhà trường, cộng đồng.

1.3.2. Nguyên tắc GDMT ở trường học

- GDMT là một lĩnh vực giáo dục liên ngành, tích hợp vào các môn học và các hoạt động, là cách tiếp cận xuyên bộ môn.

- Mục tiêu, nội dung và phương pháp GDMT phải phù hợp với mục tiêu đào tạo của cấp học.

- GDMT phải trang bị cho HS một hệ thống kiến thức tương đối đầy đủ về môi trường và kỹ năng BVMT.

- Nội dung GDMT phải chú ý khai thác tình hình thực tế môi trường của từng địa phương.

- Nội dung GDMT phải chú trọng thực hành, hình thành các kỹ năng sống BVMT phù hợp với độ tuổi.

- Cách tiếp cận cơ bản của giáo dục môi trường là: Giáo dục về môi trường, trong môi trường và vì môi trường.

- Phương pháp GDMT nhằm tạo cơ hội cho HS phát hiện và tìm cách giải quyết các vấn đề môi trường dưới sự hướng dẫn của GV.

1.3.3. Nội dung GDMT

GDMT ở các trường THCS hiện tại chưa phải là một môn học mà là một quá trình được thực hiện thông qua tất cả các môn học và các HĐNGLL nhằm trang bị cho HS một hệ thống kiến thức tương đối đầy đủ về môi trường cũng như các biện pháp BVMT. Đối với các trường THCS, nội dung GDMT được lồng ghép trong giảng dạy các môn học, các HĐNGLL và được đề cập thông qua các chủ đề về môi trường.

1.3.4. Phương pháp GDMT

1.3.4.1. Phương pháp tham quan, điều tra khảo sát thực địa

1.3.4.2. Phương pháp thí nghiệm

1.3.4.3. Phương pháp khai thác kinh nghiệm thực tế để giáo dục

1.3.4.4. Phương pháp hoạt động thực tiễn

1.3.4.5. Phương pháp giải quyết vấn đề cộng đồng

1.3.4.6. Phương pháp học tập theo dự án

1.3.4.7. Phương pháp nêu gương

1.3.4.8. Phương pháp tiếp cận kỹ năng sống BVMT

1.3.5. Các hình thức tổ chức GDMT

1.3.5.1. GDMT thông qua hoạt động dạy và học trên lớp

1.3.5.2. GDMT thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

1.3.6. Đặc điểm tâm lí của học sinh THCS

Mỗi HS THCS là một chỉnh thể, một thực thể hồn nhiên. Ở mỗi em đều tiềm tàng khả năng phát triển. HS THCS ở độ tuổi đang phát triển và định hình về nhân cách. Vì vậy những hiểu biết cơ bản của các em được bồi dưỡng qua GDMT sẽ để lại dấu ấn sâu sắc trong toàn bộ cuộc đời sau này của các em. Đồng thời các em ở lứa tuổi này có tính tích cực cao, dễ hưng phấn, hiếu động nghịch ngợm nếu

không được giáo dục sẽ dẫn tới những hành động làm tổn hại môi trường một cách vô ý thức hoặc có ý thức.

1.3.7. Sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác GDMT

Sự thống nhất giữa những yêu cầu giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội được đảm bảo sẽ góp phần tạo ra một môi trường giáo dục hoàn chỉnh. Những tác động phù hợp thống nhất sẽ tạo ra được sức mạnh tổng hợp để GDMT có kết quả, góp phần phát triển nhân cách của HS .

1.3.8. Những yếu tố ảnh hưởng đến công tác GDMT

1.3.8.1. Cơ sở vật chất - thiết bị dạy học của nhà trường

CSVC, TBDH là một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành quá trình GDMT và chỉ được phát huy có hiệu quả khi nó thật sự trở thành một nhân tố của quá trình đó.

1.3.8.2. Tài chính

Cùng với ngân sách của Nhà nước đầu tư, cần huy động sự đóng góp của các tổ chức, của gia đình và của cộng đồng thông qua việc ủng hộ kinh phí, hỗ trợ phương tiện hay tham gia tổ chức các hoạt động GDMT. Đồng thời cũng nên tạo kinh phí từ hoạt động BVMT của các em để tổ chức GDMT.

1.3.8.3. Môi trường văn hóa - xã hội

Môi trường văn hóa - xã hội trong sạch, lành mạnh chính là nguồn năng lượng tinh thần vô giá, là “cái nôi” nuôi dưỡng tâm hồn, phát triển trí tuệ và hình thành nhân cách con người. Vì vậy môi trường văn hóa - xã hội có vị trí vai trò cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia trong đó có công tác GDMT. Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau có các xu hướng gây ô nhiễm môi trường khác nhau.

1.4. Quản lý công tác GDMT ở trường THCS

1.4.1. Vai trò của Hiệu trưởng và GV trường THCS đối với quản lý công tác GDMT

1.4.1.1. Hiệu trưởng

Trong nhà trường hiệu trưởng là người đứng đầu, đại diện cho nhà trường về mặt pháp lí, có trách nhiệm và thẩm quyền cao nhất về hành chính cũng như chuyên môn, chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp trên trong việc tổ chức, quản lí toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện nhiệm vụ của mình trong đó có công tác GDMT tốt hay xấu một phần quyết định là tùy thuộc vào phẩm chất năng lực của người hiệu trưởng.

1.4.1.2. Giáo viên

GV là người làm nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục trong nhà trường THCS, GV chủ nhiệm quản lí toàn diện HS trong các mối quan hệ của lớp mình với lớp khác cũng như với lãnh đạo nhà trường, đại diện gia đình và xã hội. Đây là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường trong đó có chất lượng GDMT.

1.4.2. Nội dung quản lý công tác GDMT ở trường THCS

1.4.2.1. Kế hoạch hoá công tác giáo dục môi trường

Kế hoạch hoá là công cụ quản lý quan trọng nhất của người Hiệu trưởng. Đây là giai đoạn quan trọng nhất của quá trình QL công tác GDMT vì trên cơ sở mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục của Ngành, nhà trường xác định phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ giáo dục của trường, trong đó có kế hoạch công tác GDMT. Kế hoạch hóa là chức năng QL đầu tiên, quyết định đến sự thành bại của công tác QL.

1.4.2.2. Tổ chức bộ máy thực hiện công tác giáo dục môi trường

Sau khi đã vạch ra được kế hoạch đúng rồi, thì sự thành công tùy thuộc trước hết vào tổ chức. Tổ chức trong QL công tác GDMT là việc thiết kế cơ cấu các bộ phận sao cho phù hợp với mục tiêu của nhà trường đồng thời chú ý đến phương thức hoạt động, đến quyền hạn từng bộ phận, tạo điều kiện cho sự liên kết ngang, dọc; việc bố trí cán bộ để vận hành các bộ phận nhằm đạt mục tiêu công tác GDMT của nhà trường đã đề ra.

Tổ chức triển khai thực hiện công tác GDMT chính là giai đoạn hiện thực hoá những ý tưởng đã được kế hoạch hoá nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

1.4.2.3. Chỉ đạo thực hiện công tác giáo dục môi trường

Đây là chức năng thể hiện năng lực của người quản lý, trong đó CBQL phải tác động đến các đối tượng quản lý một cách có chủ đích nhằm phát huy hết tiềm năng để thực hiện mục tiêu GDMT.

Chỉ đạo về thực chất đó là những hành động xác lập quyền chỉ huy và sự can thiệp của người lãnh đạo trong toàn bộ quá trình QL, là huy động lực lượng vào việc thực hiện kế hoạch công tác GDMT và điều hành nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường diễn ra trong kỷ cương, trật tự.

1.4.2.4. Kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục môi trường

Kiểm tra là một chức năng rất quan trọng của QL. Lãnh đạo mà không có kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo. Hiệu lực tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác GDMT đòi hỏi phải hết sức coi trọng công tác kiểm tra hoạt động GDMT. Kiểm tra là quá trình gồm xây dựng các tiêu chuẩn; đo đạt việc thực hiện; điều chỉnh các sai lệch nhằm làm cho toàn bộ hệ thống đạt mục tiêu đã định.

1.4.3. Các phương pháp quản lý công tác GDMT ở trường THCS

1.4.3.1. Phương pháp hành chính - pháp luật

1.4.3.2. Phương pháp giáo dục - tâm lý

1.4.3.3. Phương pháp kích thích

Tiểu kết chương 1

Cơ sở lý luận cho thấy QL công tác GDMT gồm nhiều nội dung, từ việc lập kế hoạch, tổ chức bộ máy, chỉ đạo thực hiện đến việc kiểm tra đánh giá kết quả GDMT, vì vậy người CBQL phải thực hiện đầy đủ vai trò trách nhiệm của mình thông qua việc huy động, điều phối, điều chỉnh, giám sát,... một cách có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) của mình trong QL công tác GDMT.

GDMT cho thế hệ trẻ, đặc biệt là trẻ ở bậc học THCS - các em ở độ tuổi đang phát triển và định hình về nhân cách, những người chủ tương lai của đất nước, là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất, kinh tế nhất và có tính bền vững trong các biện pháp để thực hiện mục tiêu GDMT và phát triển bền vững đất nước.

Để tăng cường QL công tác GDMT ở các trường THCS, cần có những biện pháp đồng bộ, hợp quy luật của chủ thể QL tác động lên đối tượng QL trong việc tổ chức thực hiện công tác GDMT.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC

GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở CÁC TRƯỜNG THCS

TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

Tiến hành điều tra, khảo sát, thực trạng công tác quản lý GDMT đối với 200 CBQL, GV và 300 học sinh ở 10 trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2.1.1. Xây dựng phiếu khảo sát

2.1.2. Tiến hành khảo sát

2.1.3. Xử lý số liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát

2.2. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, đặc điểm môi trường của quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Quận Thanh Khê thuộc thành phố Đà Nẵng, có diện tích 9,44 km², được chia thành 10 phường. Theo thống kê năm 2009 có 171.248 dân, là trung độ và đầu mối giao thông của cả nước. Tình hình kinh tế - xã hội của Quận có sự tăng trưởng rõ nét. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.

2.2.2. Về tình hình giáo dục & đào tạo

Công tác giáo dục quận Thanh Khê phát triển một cách toàn diện. Hệ thống giáo dục phát triển cả về quy mô, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản về giáo dục của mọi tầng lớp nhân dân.

2.2.3. Về giáo dục THCS

Giáo dục THCS quận Thanh Khê trong những năm qua đã có sự phát triển cả về quy mô, số lượng và chất lượng. Hiện nay, toàn quận Thanh Khê có: 10 trường THCS được phân bố đều trên địa bàn dân cư 10 phường, với 251 lớp và 8784 HS; 498/498 GV THCS đạt chuẩn đào tạo; 25/25 CBQL trường THCS đạt trên chuẩn đào tạo; CSVC và các TBDH của các trường THCS từng bước đã được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới. Tuy vậy vẫn chưa đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của công tác dạy - học và công tác GDMT trong các nhà trường.

2.2.4. Khái quát một số đặc điểm môi trường của quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Kể từ sau khi tái thành lập quận năm 2007 đến nay, tình hình kinh tế - xã hội Thanh Khê đã có những bước phát triển nhanh chóng.

Kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao đã tạo điều kiện thuận lợi để quận Thanh Khê đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng ngày càng được củng cố vững chắc.

Mặc dù vậy, do đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, từ nền kinh tế nhỏ lẻ lạc hậu đi lên công nghiệp hoá hiện đại hoá, vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường ngày càng trở nên gay gắt và trở thành những yêu cầu cấp bách.

2.3. Thực trạng công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Nhận thức của CBQL, GV và HS ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về công tác GDMT

- Về nhận thức của CBQL, GV: Phần lớn CBQL, GV (64%) đã có những nhận thức tích cực về vai trò, tác dụng và tầm quan trọng của công tác GDMT, tuy nhiên vẫn còn (6%) CBQL, GV cho rằng công tác GDMT ở các trường THCS có cũng được không cũng được, nhận thức chưa được rõ ràng sâu sắc. Điều đó chứng tỏ rằng việc tuyên truyền, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về GDMT cho CBQL, GV ở các trường THCS chưa được các cấp quản lý giáo dục quan tâm đúng mức.

- Về nhận thức của HS: Đa số HS (65%) đã có nhận thức GDMT là rất cần thiết nhưng cũng còn (3%) cho rằng không cần thiết. Điều này đã chứng tỏ rằng nhà trường đã chưa cung cấp cho các em những nhận thức đầy đủ và hệ thống về GDMT.

2.3.2. Thực trạng công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2.3.2.1. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Qua kết quả khảo sát cho thấy, công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn Quận có những thuận lợi, đó là: Sự nhiệt tình của đội ngũ CBQL, GV nhà trường (có 64% ý kiến tham gia), sự tham gia tích cực của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (có 50% ý kiến tham gia), sự quan tâm của Ban Giám hiệu nhà trường (có 46% ý kiến tham gia),... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, đó là: Quỹ thời gian còn hạn chế (có 60% ý kiến tham gia), nguồn tài chính còn hạn hẹp (có 53% ý kiến tham gia); CBQL, GV nhà trường chưa quan tâm đúng mức đến công tác GDMT (có 51% ý kiến tham gia); GV chưa nắm vững kiến thức, phương pháp và kỹ năng (có 48% ý kiến tham gia); cha mẹ học sinh chưa hỗ trợ tích cực (có 38% ý kiến tham gia); GV chưa được tham gia tập huấn, bồi dưỡng (có 26% ý kiến tham gia); cơ sở vật chất, trang thiết bị hạn chế (có 22% ý kiến tham gia); chưa có sự phối hợp tốt của các lực lượng trong và ngoài nhà trường về tổ chức GDMT (có 20% ý kiến tham gia).

2.3.2.2. Các hình thức tổ chức công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Kết quả khảo sát thể hiện: Hầu hết các trường chưa tổ chức tốt các hình thức GDMT, chỉ có (18% ý kiến) cho là có tổ chức các HĐNGLL về GDMT, (54% ý kiến) cho rằng có thực hiện tốt việc tích hợp GDMT thông qua bộ môn giảng dạy. Qua trao đổi, phỏng vấn, được biết các nguyên nhân, đó là: Nhận thức về công tác GDMT còn hạn chế, lãnh đạo Ngành, lãnh đạo trường chưa thật sự quan tâm, công tác GDMT chưa trở thành nhiệm vụ bắt buộc, ít kiểm tra đánh giá.

2.3.2.3. Đánh giá hiệu quả việc tổ chức GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Nhìn chung ý kiến của các đối tượng khảo sát đều đánh giá hiệu quả công tác GDMT còn nhiều hạn chế đạt hiệu quả chưa cao. (12%) cho rằng hiệu quả của công tác GDMT chỉ đạt mức trung bình và (10%) cho rằng còn nhiều hạn chế.

2.4. Thực trạng quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

2.4.1. Thực trạng công tác kế hoạch hóa hoạt động GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Về kế hoạch hóa công tác GDMT, (64%) các ý kiến khảo sát cho rằng phổ biến nhất là kế hoạch GDMT trong từng năm học nhưng lồng ghép chung trong kế hoạch năm học của trường, ít có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, thậm chí một số trường (8%) không có kế hoạch GDMT. Điều này cho thấy: Mặc dù có ý thức về công tác kế hoạch hoá trong nhiều hoạt động nhưng phần lớn hiệu trưởng các trường THCS vẫn còn thể hiện sự lúng túng trong việc xây dựng một kế hoạch công tác GDMT cho trường mình. Kế hoạch thiếu cụ thể và chỉ thể hiện trong nhiều hoạt động khác. Việc triển khai kế hoạch cũng chưa được coi trọng, thường giao cho Phó Hiệu trưởng, cho các đoàn thể, nhất là Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh đảm nhiệm.

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Về tổ chức thực hiện, qua các ý kiến khảo sát: Có (60% ý kiến) của CBQL và GV cho rằng phổ biến nhất là triển khai theo kế hoạch (bằng văn bản); (14% ý kiến) cho rằng nhà trường chỉ họp và thông báo, còn hình thức: Ra quyết định, họp - xây dựng - thông báo không

đáng kể. Điều này cho thấy các hình thức triển khai chưa phong phú, sự kết hợp các hình thức còn hạn chế (20% ý kiến), chưa có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ lắm giữa các lực lượng quản lý trong trường, hiệu trưởng chưa xây dựng được bộ máy thích hợp; chưa tạo dựng được một cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng trong nhà trường để hành động một cách thông suốt và hiệu quả.

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Về chỉ đạo công tác GDMT, (46%) ý kiến khảo sát của CBQL và GV đều đánh giá việc chỉ đạo quản lý chỉ ở mức độ tương đối, (48%) ý kiến khảo sát của CBQL và GV thì cho rằng việc chỉ đạo chủ yếu bằng văn bản, (21%) cho rằng còn chậm và nhiều hạn chế, bất cập chưa đáp ứng yêu cầu của Ngành về GDMT trong tình hình hiện nay. Công tác chỉ đạo nhiều lúc trở nên tự phát, thời vụ hơn là có sự quản lý chặt chẽ.

2.4.4. Thực trạng việc kiểm tra, đánh giá công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Về việc kiểm tra, đánh giá công tác GDMT, chưa có sự thống nhất về các tiêu chí đánh giá công tác GDMT, chưa có chuẩn nên đánh giá còn chung chung, chưa cụ thể và chưa phản ánh được mức độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác GDMT, (22%) ý kiến cho rằng kiểm tra chậm, không thường xuyên.

2.4.5. Thực trạng sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác giáo dục môi trường

Về sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường, nhiều CBQL và GV (20%) cho rằng sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác GDMT chưa đồng bộ nhịp nhàng, chưa huy động hết các lực lượng tham gia.

2.5. Đánh giá chung

2.5.1. Mặt mạnh

- Sự phối hợp tương đối chặt chẽ, đồng bộ của các lực lượng trong trường tham gia công tác GDMT.

- Hầu hết CBQL, GV có năng lực, nhiệt tình, có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng và tác dụng thiết thực của công tác GDMT; đa số HS THCS năng động, sáng tạo, tự chủ trong học tập và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

2.5.2. Mặt yếu kém

- Bộ máy quản lý công tác GDMT ở các trường THCS chưa được kiện toàn. Khả năng tích hợp lồng ghép vào nội dung giảng dạy các môn học, khả năng tổ chức các HĐNGLL chưa đáp ứng yêu cầu của công tác GDMT. Việc thực hiện các chức năng QL công tác GDMT chưa tốt.

2.5.3. Thuận lợi

- QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã được quan tâm chỉ đạo tương đối tốt, tiến hành thường xuyên và đạt được một số kết quả bước đầu góp phần xây dựng nhiều trường chuẩn Quốc gia, trường học “ xanh, sạch, đẹp”, “trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động GDMT ngày càng được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện tổ chức được một số HĐNGLL có tác dụng GDMT.

2.5.4. Khó khăn

- GDMT chưa trở thành nhiệm vụ cấp bách, nhận thức của người dân nói chung, học sinh nói riêng về GDMT còn nhiều hạn chế, việc quản lý công tác GDMT ở các trường chưa được quan tâm đúng mức, chưa trở thành nhiệm vụ bức thiết của nhà trường.

- CSVC, tài chính và trang thiết bị, phương tiện phục vụ việc giảng dạy tích hợp và tổ chức các HĐNGLL về GDMT còn hạn chế, nguồn tài liệu tham khảo thiếu thốn, thiếu sự thống nhất, về chuẩn đánh giá, không có thời gian tổ chức các HĐNGLL, không có nội dung chương trình bồi dưỡng về kỹ năng GDMT,...

2.5.5. Đánh giá chung

Bên cạnh những mặt mạnh và thuận lợi cơ bản, QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, yếu kém. Cùng với cơ sở lý luận, những biểu hiện của thực trạng là cơ sở cho việc xác lập các biện pháp QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn Quận nhằm nâng cao hiệu quả nhận thức, hành động BVMT của HS góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tiểu kết chương 2

Những năm qua việc QL công tác GDMT đã được các trường THCS trên địa bàn Quận quan tâm và đã được một số kết quả bước đầu về nhận thức, về xây dựng văn hóa học đường, xây dựng trường học xanh - sạch - đẹp nên đã góp phần nâng cao được chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.

Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát cho thấy thực trạng QL công tác GDMT còn nhiều hạn chế về QL hoạt động giảng dạy trên lớp, hướng dẫn HĐNGLL của GV, QL yếu tố CSVC-TBDH,... nên mức độ đạt được chưa cao, song cũng đã có cố gắng. Để nâng cao hơn nữa chất lượng GDMT của các trường, cần có các biện pháp cụ thể và có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ khoa học hơn nữa giữa các chức năng QL và sự quyết tâm của Lãnh đạo và mọi thành viên ở các trường THCS trên địa bàn Quận.

CHƯƠNG 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÔNG TÁC
GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở CÁC TRƯỜNG THCS
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Một số nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc bảo đảm tính pháp quy

3.1.2. Nguyên tắc bảo đảm tính mục đích,

3.1.3. Nguyên tắc bảo đảm tính hiệu quả,

3.1.4. Nguyên tắc bảo đảm tính phù hợp,

3.1.5. Nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất

3.2. Các biện pháp quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay

3.2.1. Nâng cao nhận thức của đội ngũ CBQL, GV, HS và các lực lượng xã hội về tầm quan trọng của công tác giáo dục môi trường và QL công tác GDMT

- Tổ chức tuyên truyền quán triệt các chủ trương, nghị quyết, văn bản chỉ đạo,... của Đảng, nhà nước, của Ngành về công tác GDMT qua học tập, hội họp, qua sách báo, internet, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, qua chào cờ đầu tuần,...

- Tổ chức tham quan dã ngoại: vườn quốc gia, khu bảo tồn, công viên, vườn thú, khu du lịch sinh thái, nơi xử lý rác,...

- Tổ chức hội thảo với chủ đề “Thực trạng công tác GDMT và quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng”.

- Đưa nội dung GDMT vào nội dung sinh hoạt Hội đồng sư phạm, tổ chuyên môn và các đoàn thể trong trường và họp cha mẹ HS.

3.2.2. Kế hoạch hóa công tác giáo dục môi trường của nhà trường

- Căn cứ vào chỉ đạo của cấp trên và tình hình của trường, Ban HĐNGLL là bộ phận chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch GDMT dài hạn, ngắn hạn, từng năm, học kỳ, từng tháng và hợp thống nhất thông qua.

- Căn cứ vào kế hoạch công tác GDMT của trường, các bộ phận: tổ chuyên môn, GV chủ nhiệm, các tổ chức đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch GDMT của cá nhân, đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện.

- Kế hoạch đó phải thể hiện các vấn đề sau: xác định mục tiêu, yêu cầu công việc; xác định nội dung công việc; xác định thời gian, địa điểm, con người; xác định cách thức thực hiện; xác định phương pháp kiểm tra kiểm soát; xác định nguồn lực thực hiện.

3.2.3. Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện công tác giáo dục môi trường

- Ổn định cơ cấu tổ chức của đơn vị: Trước hết phải chọn cơ cấu tổ chức, hình thức tổ chức (cấu trúc) của hệ thống QL (thành lập Ban chỉ đạo công tác GDMT cấp trường trong đó đảm bảo đầy đủ các bộ phận chức năng trong và ngoài nhà trường như: Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội, tổ trưởng chuyên môn, đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường,...).

- Tạo mối quan hệ đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với nhau: Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng bộ phận, từng người, quy định các mối quan hệ hợp lý trong bộ máy, làm cho bộ máy vừa tinh, vừa có hiệu lực. Mỗi người đều có những quyền hạn cần thiết và chịu hoàn toàn trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn ấy để tiến hành công việc của mình.

- Rà soát, điều chỉnh, ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò, mối quan hệ. Thông báo kế hoạch, chương trình GDMT đến từng CB, GV, HS để mỗi thành viên trong trường tự giác chấp nhận kế hoạch và tự nguyện thực hiện theo kế hoạch.

3.2.4. Tăng cường chỉ đạo tổ chức công tác giáo dục môi trường ở các trường THCS

- Căn cứ các văn bản hướng dẫn chỉ đạo về công tác GDMT của cấp trên, nhà trường ban hành kế hoạch, các quy định cụ thể về điều kiện, trách nhiệm đối với GV tham gia về công tác GDMT phù hợp với điều kiện hiện nay của nhà trường. Đây cũng là cơ sở để thực hiện QL công tác GDMT một cách chặt chẽ, thống nhất.

- Quy định tham gia công tác GDMT được xem là nhiệm vụ bắt buộc đối với GV, là cơ sở để đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm đối với GV.

- Chú trọng công tác thu nhận thông tin phản hồi trong quá trình thực hiện các quy định của chủ thể QL. Giao nhiệm vụ cho Ban HĐNGLL là đơn vị chịu trách nhiệm thu nhận và tổng hợp thông tin phản hồi từ CBQL, GV trình Lãnh đạo trường có những bổ sung, điều chỉnh kịp thời.

- Để GV triển khai công tác GDMT cho HS được thuận lợi, các trường THCS cần đưa nhiệm vụ GDMT vào sinh hoạt toàn hội đồng, sinh hoạt tổ chuyên môn.

- Chỉ đạo đổi mới công tác GDMT thông qua các môn học và các hoạt động theo hướng tích hợp nội dung qua các môn học, thông qua chương trình dạy học chính khóa và các hoạt động ngoại khóa, đặt biệt coi trọng việc đưa vào chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

3.2.5. Đổi mới việc thanh tra, kiểm tra, đánh giá; thi đua, khen thưởng công tác giáo dục môi trường

- Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá: Đổi mới hình thức, nội dung và cách thức tiến hành kiểm tra.

- Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng: Xây dựng kế hoạch thi đua trong GV và HS cụ thể, có tổ chức, có người phụ trách; chỉ đạo thực hiện kiên trì, khoa học; có kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm, động viên khen thưởng kịp thời.

3.2.6. Tăng cường sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác giáo dục môi trường

- Củng cố Ban Đại diện cha mẹ HS của trường, của lớp vì Ban Đại diện cha mẹ HS có nhiều khả năng to lớn không chỉ có tác động đến giáo dục gia đình mà còn huy động được các lực lượng ngoài nhà trường về nhiều mặt trong công tác GDMT.

- Tổ chức tốt Hội nghị cha mẹ HS đầu mỗi năm học, đưa nội dung GDMT vào kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ HS.

- Xây dựng cơ chế phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác GDMT.

- Làm tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, chính quyền và các ban ngành đoàn thể ở địa phương nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hoá, huy động mọi nguồn lực tham gia công tác GDMT.

3.3. Khảo nghiệm về tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp

Sáu biện pháp QL nêu trên xét trên tổng thể là cấp thiết và khả thi trong điều kiện nhà trường hiện nay. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp QL theo hướng tuân thủ tính thực tiễn, phù hợp với hoàn cảnh và hướng vào hiệu quả, chắc chắn sẽ thúc đẩy công tác GDMT ở các trường THCS nói chung, các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở lý luận ở chương 1 luận văn và căn cứ kết quả khảo sát thực trạng ở chương 2, tác giả đã đề xuất 6 nhóm biện pháp quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn Quận. Các biện pháp tập trung giải quyết vấn đề cơ bản trong công tác giáo dục môi trường nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác GDMT góp phần hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh.

Kết quả thăm dò ý kiến chuyên gia đã chứng tỏ rằng các biện pháp quản lý công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mà luận văn đề xuất là hợp lý đồng thời khẳng định tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp quản lý công tác GDMT trong điều kiện hiện nay của các trường THCS.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quản lý công tác GDMT là vấn đề hết sức quan trọng và cấp thiết, đang là vấn đề quan tâm của toàn xã hội trong đó có các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài đã đánh giá thực trạng QL công tác GDMT ở các trường THCS trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Từ thực trạng này, kết hợp với kết quả khảo sát, trưng cầu ý kiến của đội ngũ CBQL, GV, HS. Tác giả đã đề xuất 6 nhóm biện pháp như sau: Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng xã hội về tầm quan trọng của GDMT và QL công tác GDMT; Kế hoạch hóa công tác GDMT của nhà trường; đổi mới phương thức tổ chức thực hiện công tác GDMT; tăng cường chỉ đạo công tác GDMT ở các trường THCS; đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, thi đua khen thưởng công tác

GDMT; tăng cường sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác GDMT.

Các biện pháp nêu trên tương ứng với các chức năng QL, có mối quan hệ mật thiết, tác động, hỗ trợ lẫn nhau. Vì vậy trong QL công tác GDMT, phải phối hợp đồng bộ các biện pháp. Kết quả trưng cầu ý kiến CBQL và GV cho thấy các biện pháp đều có tính cấp thiết và khả thi, có thể áp dụng trong thực tiễn trên địa bàn nghiên cứu.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ GD&ĐT

- Đưa công tác GDMT thành yêu cầu bắt buộc trong chỉ thị nhiệm vụ năm học.
- Xây dựng chuẩn để đánh giá công tác GDMT.

2.2. Đối với Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về GDMT .
- Đầu tư CSVC, TBDH và tài chính cho công tác GDMT.

2.3. Đối với Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng

- Kiện toàn Ban chỉ đạo công tác GDMT của Ngành
- Tổ chức bồi dưỡng CBQL, GV về nghiệp vụ GDMT.

2.4. Đối với Phòng GD&ĐT quận Thanh Khê

- Kiện toàn Ban chỉ đạo công tác GDMT
- Tổ chức các cuộc thi về môi trường hằng năm
- Xem GDMT là tiêu chí trong đánh giá thi đua các trường

2.5. Đối với các trường THCS

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá GDMT
- Xem GDMT là một tiêu chí thi đua của tổ chuyên môn, cá nhân.
- Thành lập chuyên mục về công tác GDMT trên Website của trường.